TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐSẦM SƠN** **TỈNH THANH HÓA** Số: 40/2024/QĐST- HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Sầm Sơn, ngày 08 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 61/2024/TLST/HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị D – sinh năm: 1980

Bị đơn: Anh Nguyễn Khả N – sinh năm: 1976

Cùng địa chỉ: Khu phố Y, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 48, Điều 212, Điều 213, Điều 217, Điều 218, Điều 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về Án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 6 năm 2024.

Sau khi xem xét đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 28/6/2024 của nguyên đơn chị Lê Thị D.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 6 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 28/6/2024 của nguyên đơn chị Lê Thị D là hoàn toàn tự nguyện.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Lê Thị D và anh Nguyễn Khả N

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị D và anh Nguyễn Khả N.

2.2. Về con chung: Chị Lê Thị D và anh Nguyễn Khả N có 02 con chung là

các cháu: Nguyễn Khả Đ1 - sinh ngày 22/07/2000 và cháu Nguyễn Thị Vân A - sinh ngày 14/10/2008. Ly hôn anh chị thống nhất giao cháu Nguyễn Thị Vân A cho chị Lê Thị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên. Anh Nguyễn Khả N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Nam có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Còn cháu Nguyễn Khả Đ1 hiện đã thành niên và phát triển bình thường nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản: Anh chị thống nhất rút phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản, công nợ chung. Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Anh chị thỏa thuận chị Lê Thị D nộp: 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Lê Thị D đã nộp theo biên lai số: 0004881 ngày 21/5/2024 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Sầm Sơn. Chị D được nhận lại 20.850.000 đồng (Hai mươi triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu " Chia tài sản chung khi ly hôn" của nguyên đơn do nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu.

4. Quyền kháng cáo kháng nghị:

4.1. Đối với nội dung công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại mục 1, mục 2 của quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4.2. Đối với nội dung đình chỉ yêu cầu khởi kiện tại mục 3 của quyết định này đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị nội dung này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP Sầm Sơn;
- Chi cục THADS TP Sầm Sơn;
- UBND phường Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Văn Hùng